

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LỨC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST

Ngày: 05-4-2021

V/v “*hợp đồng đặt cọc
và hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cao

2. Bà Dương Thị Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 3 và 05 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc và hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Cù Thị Mỹ A, sinh năm 1961; Địa chỉ: 424/5, Ấp 5, xã H, huyện C, tỉnh L. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp 4, xã B, huyện B, tỉnh L. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 06/01/2021, nguyên đơn Cù Thị Mỹ A trình bày tóm tắt như sau: Vào ngày 03/01/2020, bà có đặt cọc cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 20.000.000đ để mua thanh long ruột đỏ với giá 32.000đ/kg, qua tết sẽ thu hoạch thanh long. Đến ngày 13/01/2020, ông T mượn bà số tiền 30.000.000đ. Việc đặt cọc và mượn tiền đều không làm biên nhận mà chỉ thỏa thuận miệng. Hai bên không thỏa thuận cụ thể về việc mất cọc, phạt cọc hay trả lại tiền cọc.

Tuy nhiên, khi thu hoạch thanh long, ông T lại không chịu bán cho bà. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu ông T phải trả số tiền cọc đã nhận là 20.000.000đ và số tiền vay là 30.000.000đ.

Tại biên bản hòa giải ngày 12/3/2021, nguyên đơn Cù Thị Mỹ A thay đổi ý kiến như sau: Đối với khoản tiền vay 30.000.000đ, ông T đã vay thì phải trả đủ, bà không tính lãi. Đối với khoản tiền đặt cọc mua thanh long mà ông T đã nhận là 20.000.000đ, do tình hình chung thời điểm đó cả nước gặp dịch bệnh, ai cũng khó khăn nên hai bên cần chịu $\frac{1}{2}$ thiệt hại, đồng nghĩa với việc bà chịu mất 10.000.000đ tiền cọc, còn ông T phải trả lại cho bà 10.000.000đ tiền cọc đã nhận.

Bị đơn Nguyễn Thanh T trình bày: Ông xác định không có việc vay của bà Mỹ A số tiền 30.000.000đ như bà Mỹ A trình bày, nên không đồng ý trả lại 30.000.000đ tiền vay theo như yêu cầu của bà Mỹ A. Đối với phần tiền cọc, tổng số tiền bà Mỹ A đặt cọc mua thanh long của ông là 50.000.000đ (lần đầu 20.000.000đ, lần sau 30.000.000đ). Do tình hình chung thời điểm đó cả nước gặp dịch bệnh, ai cũng khó khăn, nên ông đồng ý thỏa thuận chia sẻ khó khăn với bà Mỹ A, cụ thể: Ông đồng ý hỗ trợ lại bà Mỹ A số tiền cọc đã nhận là 15.000.000đ, còn số tiền cọc còn lại là 35.000.000đ, bà Mỹ A phải chịu mất cọc.

Tại phiên tòa, các đương sự trình bày ý kiến bổ sung như sau:

Nguyên đơn Cù Thị Mỹ A xác định đối với khoản tiền đặt cọc 20.000.000đ mà bà đã giao cho ông Nguyễn Thanh T vào ngày 03/01/2020, bà đồng ý chịu mất khoản tiền đặt cọc này, nên bà rút lại phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến khoản tiền đặt cọc 20.000.000đ. Đối với khoản tiền 30.000.000đ mà ông T hỏi mượn bà vào ngày 12/01/2020 và nhận vào ngày 13/01/2020, không phải là khoản tiền đặt cọc thêm theo như ý kiến của ông T, nên bà yêu cầu ông T phải trả lại cho bà số tiền 30.000.000đ đã mượn.

Bị đơn Nguyễn Thanh T xác định toàn bộ số tiền 50.000.000đ ông đã nhận từ bà Mỹ A đều là khoản tiền đặt cọc. Bà Mỹ A không mua thanh long như thỏa thuận, nên phải chịu mất khoản tiền cọc 50.000.000đ này, nhưng do việc bà Mỹ A không mua thanh long của ông xuất phát từ tình hình dịch bệnh chung trong cả nước, nên ông đồng ý hỗ trợ lại cho bà Mỹ A số tiền 15.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định quan hệ pháp luật đúng quy định.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Cù Thị Mỹ A yêu cầu bị đơn Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ trả lại số tiền đặt cọc mua bán thanh long vào ngày 03/01/2020 là 20.000.000đ và số tiền vay vào ngày 13/01/2020 là 30.000.000đ, tổng cộng là 50.000.000đ. Bị đơn Nguyễn Thanh T không đồng ý mà chỉ đồng ý hỗ trợ lại cho bà Mỹ A số tiền 15.000.000đ. Tại phiên tòa, nguyên đơn Cù Thị

Mỹ A cho rằng trong số tiền 50.000.000đ bà đưa cho ông T, chỉ có 20.000.000đ là tiền cọc, còn lại 30.000.000đ là tiền vay nhưng các bên chỉ nói miệng là ứng trước đến khi bán thanh long xong sẽ trả. Nay bà đồng ý chịu mất số tiền cọc là 20.000.000đ, nên rút lại yêu cầu về tiền cọc, chỉ yêu cầu ông T trả số tiền 30.000.000đ đã vay, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn Nguyễn Thanh T thừa nhận có nhận cọc của bà Mỹ A số tiền 20.000.000đ và có ứng thêm của bà Mỹ A số tiền 30.000.000đ, nhưng các bên đã thỏa thuận quy thành tiền cọc là 50.000.000đ. Do bà Mỹ A không thực hiện đúng thỏa thuận, nên phải chịu mất cọc, ông chỉ đồng ý hỗ trợ lại cho bà Mỹ A số tiền 15.000.000đ.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như ý kiến trình bày của các bên đương sự, có cơ sở xác định ông Nguyễn Thanh T có nhận của bà Cù Thị Mỹ A số tiền cọc là 20.000.000đ vào ngày 03/01/2020 và tiền mượn ứng thêm là 30.000.000đ vào ngày 13/01/2020. Tuy nhiên, theo nội dung bản ghi âm số 3 đã được bà Mỹ A xác nhận, thể hiện trong quá trình thực hiện thỏa thuận mua bán thanh long, giữa các bên đã thỏa thuận chuyển số tiền 30.000.000đ ứng trước sang thành tiền cọc, nên có cơ sở xác định số tiền 30.000.000 đồng là tiền cọc. Như vậy, có căn cứ để xác định bà Mỹ A đã đặt cọc cho ông Tâm tổng cộng là 50.000.000đ.

Theo quy định tại Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: *“nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Xét thấy, việc bà Mỹ A không tiếp tục thực hiện thỏa thuận đặt cọc mua bán thanh long là do lỗi của bà Mỹ A chứ không phải là do ông T. Đồng thời, theo thỏa thuận giữa các bên được thể hiện qua nội dung bản ghi âm số 3, thì bà A phải chịu mất số tiền cọc là 50.000.000 đồng. Riêng đối với phần trái thanh long còn lại mà bà Mỹ A nhờ ông T cất bán giùm với số tiền khoảng 8.000.000đ, các bên xác định không có tranh chấp, không có yêu cầu trong vụ án này nên không có cơ sở xem xét. Tại phiên tòa, bà A rút lại yêu cầu tranh chấp số tiền cọc 20.000.000đ nên cần xem xét đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Mỹ A. Đồng thời, ông T có ý kiến tự nguyện hỗ trợ lại cho bà Mỹ A số tiền 15.000.000đ, nên cần được ghi nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cù Thị Mỹ A về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ trả lại số tiền vay 30.000.000đ, đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của bà Cù Thị Mỹ A về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh T phải trả lại số tiền cọc 20.000.000đ, ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc hỗ trợ lại cho bà Mỹ A số tiền 15.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Qua hòa giải,

các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung tranh chấp, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Cù Thị Mỹ A có ý kiến rút lại một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến phần 20.000.000đ tiền cọc mà ông T đã nhận vào ngày 03/01/2020. Đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến phần 20.000.000đ tiền cọc mà ông T đã nhận vào ngày 03/01/2020.

[2] Xét nội dung khởi kiện của bà Cù Thị Mỹ A về việc buộc ông Nguyễn Thanh T phải trả khoản tiền đã vay là 30.000.000đ vào ngày 13/01/2020, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tâm thừa nhận có nhận số tiền 30.000.000đ từ bà Cù Thị Mỹ A vào ngày 13/01/2020, nhưng cho rằng đây là khoản tiền bà Mỹ A đặt cọc thêm chứ không phải khoản tiền ông vay của bà Mỹ A. Theo bản dịch ngày 06/01/2021 của bà Mỹ A đối với nội dung ghi âm cuộc gọi ngày 12/02/2020, được ông T xác nhận ngày 12/3/2021, là đúng giọng nói của ông T và đã được đánh máy lại đúng nội dung, cho thấy phần ý kiến của ông T là: *“Tại vì ý hỏi vậy mà, hỏi coi một có ứng đỡ vài chục coi, trời đất ơi kẹt giữ lắm rồi”*. Tại biên bản hòa giải ngày 29/12/2020 của Ủy ban nhân dân xã Bình Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, ban đầu chính ông T cũng đã xác định số tiền 30.000.000đ này là tiền mượn. Do đó, không có cơ sở xác định khoản tiền 30.000.000đ mà ông T đã nhận của bà Mỹ A vào ngày 13/01/2020 là tiền đặt cọc, mà có căn cứ xác định đây chính là khoản tiền bà Mỹ A cho ông T ứng trước để mua thanh long của ông T.

[2.2] Tại phiên tòa, ông T cho rằng theo nội dung bản ghi âm cuộc nói chuyện ngày 02/02/2020, khi ông nói câu: *“còn năm chục triệu đó là phải mất”*, thì bà Mỹ A đã nói: *“rồi anh tính sao cũng được hết”*, nghĩa là bà Mỹ A đã đồng ý xác định phần 50.000.000đ là tiền đã đặt cọc và đồng ý mất cọc. Hội đồng xét xử thấy rằng nội dung bản ghi âm cuộc nói chuyện ngày 02/02/2020 giữa bà Mỹ A với ông T liên quan đến khoản tiền 50.000.000đ, không thể hiện rõ ràng ý chí của bà Mỹ A xác định phần 50.000.000đ là tiền đặt cọc và đồng ý mất cọc. Trong khi đó, như đã phân tích tại đoạn [2.1], thì khoản tiền 30.000.000đ mà ông T đã nhận của bà Mỹ A vào ngày 13/01/2020, là khoản tiền bà Mỹ A cho ông T ứng trước để mua thanh long của ông T. Do đó, khi bà Mỹ A không thực hiện đúng thỏa thuận về việc mua thanh long với giá 32.000đ/kg thì bà Mỹ A chỉ phải chịu mất khoản tiền đã đặt cọc là 20.000.000đ (*khoản tiền này bà Mỹ A đã có ý kiến chịu mất cọc và rút lại yêu cầu kiện theo như phân tích tại đoạn [1.2]*), còn về khoản tiền 30.000.000đ ông T đã ứng trước thì ông T có nghĩa vụ phải trả lại cho bà Mỹ A.

[2.3] Bà Mỹ A cho ông T ứng trước số tiền 30.000.000đ vào ngày 13/01/2020, không có làm giấy tờ, không thỏa thuận thời hạn trả, không thỏa thuận lãi suất, nên được xác định là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi.

Bên cho vay là bà Mỹ A có quyền đòi lại tài sản đã cho vay bất kỳ lúc nào và thực tế bà Mỹ A đã yêu cầu ông T trả khoản tiền vay 30.000.000đ từ trước khi khởi kiện ra Tòa án, nhưng ông T chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay, nên căn cứ quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự, buộc ông T phải trả cho bà Mỹ A số tiền đã vay là 30.000.000đ.

[2.4] Đối với phần 590kg thanh long mà bà Mỹ A đã nhận từ ông T, các bên xác định không có tranh chấp, không có yêu cầu gì trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Nguyễn Thanh T phải chịu án phí là 1.500.000đ. Nguyên đơn Cù Thị Mỹ A không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 244, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự; Điều 6, Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cù Thị Mỹ A.

Buộc ông Nguyễn Thanh T phải trả cho bà Cù Thị Mỹ A khoản tiền đã vay vào ngày 13/01/2020 là 30.000.000đ.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của bà Cù Thị Mỹ A liên quan đến khoản tiền đặt cọc 20.000.000đ mà ông Nguyễn Thanh T đã nhận vào ngày 03/01/2020.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Thanh T nộp 1.500.000đ án phí sung Ngân sách Nhà nước. Bà Cù Thị Mỹ A không phải chịu án phí, hoàn lại cho bà Mỹ A khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000đ theo biên lai

thu số 0002804 ngày 21/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

5. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Trần Văn Khánh